

MỘT SỐ KẾT QUẢ TỪ DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT CHO GIAI ĐOẠN TIẾP THEO

ThS. ĐÀO THỊ HỒNG LÝ

Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Bình

Trước hết, có thể khẳng định Chương trình nông thôn miền núi rất có ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của những vùng còn khó khăn, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong cả nước nói chung cũng như tỉnh Quảng Bình nói riêng. Thông qua hoạt động xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (KH&CN) phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội đã giúp cho người dân tiếp cận nhanh những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật. Hỗ trợ kinh phí để người dân xây dựng mô hình, sản phẩm tạo ra người dân được thụ hưởng, điều này đã có ý nghĩa rất lớn đối với việc huy động nguồn vốn từ người dân làm cơ sở vững chắc cho các nông hộ mạnh dạn đầu tư vốn để phát triển kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, kết quả thực hiện của các dự án thuộc Chương trình thực sự tạo được điểm sáng về ứng dụng tiến bộ KH&CN, thúc đẩy liên kết 4 nhà trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực cho địa phương, góp phần nâng cao trình độ sản xuất, dân trí và cải thiện đời sống nhân dân...

1. Đánh giá tác động của Chương trình nông thôn miền núi đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương

1.1. Số lượng và kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình

Giai đoạn từ năm 2016-2020, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được Bộ KH&CN phê duyệt triển khai 8 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi (NTMN). Các dự án phê duyệt đều thuộc thẩm quyền quản lý cấp Trung ương,

cụ thể:

- Dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ nhân giống dạng dịch thể sản xuất giống nấm linh chi và nấm sò tại Quảng Bình.

- Dự án: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chình hoa (*Anguilla marmorata*) đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Quảng Bình.

- Dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng tinh giống bò nhập ngoại sản xuất bê lai hướng thịt có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Dự án: Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến chăn nuôi lợn theo phương thức công nghiệp trên vùng đất cát ven biển tỉnh Quảng Bình.

- Dự án: Xây dựng mô hình trồng sả xen canh với cây cao su, chum cất thu tinh dầu sả và sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ bã thải sau chum cất tại vùng miền núi tỉnh Quảng Bình.

- Dự án: Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium* (Os) Merr) và sâm báo (*Abelmoschus sagittifolius* (Kurz) Merr) trên vùng đất gò đồi tỉnh Quảng Bình.

- Dự án: Ứng dụng công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học để lên men nguyên liệu sống chứa chất bột và xơ làm thức ăn chăn nuôi giàu dinh dưỡng tại tỉnh Quảng Bình.

- Dự án: Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình trồng thâm canh giống cam mật Hiền Ninh và giống cam V2 theo tiêu chuẩn

VietGAP tại tỉnh Quảng Bình.

Các dự án thuộc chương trình NTMN được lựa chọn thực hiện cơ bản phù hợp với định hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh; phù hợp với chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2020 và phù hợp với quy hoạch tổng hợp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.2. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án thuộc Chương trình

Các dự án thuộc Chương trình NTMN triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2016-2020 cơ bản thực hiện theo đúng mục tiêu và nội dung chương trình theo Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Tập trung ưu tiên cho hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; các dự án có sự tham gia của doanh nghiệp với vai trò là hạt nhân trong chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa, tạo sinh kế cho người vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Các dự án thuộc Chương trình NTMN đã thực hiện được mục tiêu và nội dung đặt ra, kết quả đã có đóng góp tích cực vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Nhiều mô hình đã được duy trì và phát triển rộng rãi trong sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế cao, trở thành nghề sản xuất của nhân dân ở địa bàn thực hiện dự án.

Các dự án của Chương trình đã thực sự tạo được điểm sáng về ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực trên địa bàn thực hiện dự án, góp phần cải thiện đời sống Nhân dân, từng bước hình thành thị trường công nghệ ở nông thôn, tạo đà cho việc ứng dụng nhanh các thành tựu KH&CN vào sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi. Các dự án đã đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý và tổ chức triển khai dự án, năng lực ứng dụng và chuyển giao công nghệ cho cán bộ quản lý và kỹ thuật viên cơ sở ở địa

phương, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và các hộ nông dân trực tiếp tham gia thực hiện dự án. Kết quả Chương trình đã được duy trì và nhân rộng, các dự án thực hiện được các mô hình nhân rộng làm tiền đề cho các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác của địa phương, nâng cao hiểu biết, niềm tin và ý thức của người dân trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Chương trình đã góp phần cùng với các chương trình khuyến nông, khuyến ngư phát triển các sản phẩm hàng hoá có lợi thế của các vùng, hình thành và phát triển ngành nghề nông thôn ở địa phương như sản xuất giống cây lâm nghiệp, nuôi ong lấy mật, chế biến phân bón từ rác thải sinh hoạt, trồng hoa thương phẩm, sản xuất giống cá đối mục..., tạo việc làm và tăng thu nhập cho hàng trăm lao động ở khu vực nông thôn, miền núi.

Khả năng duy trì và kết quả nhân rộng mô hình của dự án đều được thực hiện khá hiệu quả. Các dự án sau khi kết thúc đều được duy trì và nhân rộng ra các địa phương khác có điều kiện tương tự trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

1.3. Những thuận lợi và tồn tại, khuyết điểm

1.3.1. Những thuận lợi

- Các dự án của Chương trình đã đưa các công nghệ mới ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực trên địa bàn thực hiện dự án, góp phần cải thiện đời sống Nhân dân. Không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế, Chương trình đã mang ý nghĩa xã hội tích cực, góp phần nâng cao niềm tin và ý thức của người dân trong việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống.

- Chương trình góp phần nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, dân trí và cải thiện đời sống người dân. Các dự án triển khai đã chuyển giao được các công nghệ về tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp cho các địa phương, cán bộ kỹ thuật và nông dân nắm được các quy trình kỹ thuật để tiến hành nhân rộng

sau khi kết thúc dự án.

- Công nghệ sử dụng trong các dự án Chương trình NTMN phù hợp với điều kiện vùng nông thôn, kỹ thuật phù hợp cho người nông dân áp dụng. Với việc chuyển giao, tiếp nhận các công nghệ sản xuất cây giống, vật nuôi đảm bảo chất lượng, các dự án đã tổ chức lưu giữ, bảo quản giống gốc, sản xuất, cung cấp cây giống sạch bệnh cho các mô hình trồng để từ đó tạo điều kiện mở rộng các vùng sản xuất các sản phẩm có lợi thế, cho hiệu quả kinh tế cao.

1.3.2. Những tồn tại, khuyết điểm

- Trình độ quản lý của các cơ quan chủ trì thực hiện dự án còn hạn chế, do đó trong quá trình thực hiện còn rất lúng túng, các bài viết báo cáo trình bày chưa được logic và chưa hợp lý, đặc biệt gặp nhiều khó khăn trong khâu chỉ đạo, điều hành, đấu thầu thiết bị của dự án.

- Cơ quan chuyển giao công nghệ ở xa nơi sản xuất nên không thể chỉ đạo thường xuyên, kịp thời.

- Việc cấp phát kinh phí cho các dự án còn chậm nên phần nào có ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, công tác thanh quyết toán của các dự án còn rườm rà, chưa dứt điểm; đặc biệt công tác phê duyệt hồ sơ dự thầu vật tư, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị còn chậm dẫn đến tiến độ thực hiện một số dự án kéo dài từ 6 tháng đến 1 năm.

- Các dự án triển khai được đầy đủ các nội dung đề ra, xây dựng được mô hình, nhưng khó nhân rộng được ra các địa bàn lân cận, tác động của các mô hình được xây dựng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn thực hiện dự án bị hạn chế.

- Chưa có sự phối hợp lồng ghép các chương trình dự án khác cùng triển khai trên một địa bàn. Chưa tập hợp lực lượng các đoàn thể quần chúng cùng tham gia xây dựng mô hình, dự án, yếu tố thị trường tác động vào dự



Mô hình ứng dụng và chuyển giao công nghệ nhân giống dạng dịch thể sản xuất giống nấm linh chi và nấm sò tại Quảng Bình

Ảnh: TL

án còn thiếu, do đó người dân chưa thấy các dự án sẽ mang lại lợi ích thiết thực đối với sản xuất hàng hoá thị trường cần để tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

2. Một số kiến nghị

- Kết quả của Chương trình NTMN thực sự triển khai có hiệu quả, tuy nhiên tỉnh Quảng Bình là tỉnh nghèo, ngân sách hàng năm được Trung ương cấp bù, chính vì vậy kinh phí địa phương chi ra thực hiện phần đối ứng của dự án rất khó khăn. Bên cạnh đó với địa bàn chủ yếu là nông thôn, miền núi như ở Quảng Bình thì nhu cầu đầu tư các dự án nhằm chuyển giao công nghệ và tiến bộ khoa học kỹ thuật để phát triển cho vùng nông thôn, miền núi là rất lớn, vì vậy cần tiếp tục thực hiện các dự án thuộc Chương trình NTMN là hết sức cần thiết.

- Cần tăng cường hơn nữa công tác xã hội hóa hoạt động KH&CN, cùng với đầu tư của nhà nước cần khuyến khích hoạt động KH&CN của các doanh nghiệp. Đổi mới cơ chế tài chính cho KH&CN, cần xem xét bổ sung dự toán kinh phí dự phòng để thuận lợi trong triển khai các nhiệm vụ KH&CN, kinh phí thuê chuyên gia để thu hút sự đóng góp nhiều hơn nữa của các nhà khoa học cho các vùng nông thôn, miền núi.

- Trong thời gian tới, UBND tỉnh Quảng Bình kính đề nghị Bộ KH&CN quan tâm đầu tư cho tỉnh nhiều dự án thuộc Chương trình, tăng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để đẩy nhanh quá trình ứng dụng, chuyển giao KH&CN cho vùng nông thôn miền núi nhằm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nhanh và bền vững.

- Lựa chọn tiên bộ kỹ thuật và công nghệ, phương pháp chuyển giao tiên bộ kỹ thuật và công nghệ, kết quả của dự án phải phù hợp với yêu cầu của sản xuất, với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội địa bàn áp dụng, với đòi hỏi của người dân tại địa bàn sẽ mở rộng: Như lựa chọn những tiên bộ kỹ thuật và công nghệ có tính đột phá về năng suất, chất lượng, lợi nhuận và thu nhập cao cho người dân.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực để việc mở rộng kết quả dự án được bền vững nhằm mục đích đào tạo là nâng cao năng lực cho người dân như: Đào tạo tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức gắn liền với rèn luyện kỹ năng cho người dân; Đào tạo cho cán bộ cơ sở: Về kỹ thuật, về kỹ năng (phương pháp khuyến nông, phương pháp quản lý câu lạc bộ); đào tạo nông dân giỏi để họ làm cầu nối tiếp sức từ nông dân đến nông dân.

- Có cơ chế, chính sách khuyến khích áp dụng tiên bộ kỹ thuật và công nghệ, kết quả của dự án: Như cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng, phát triển KH&CN; cơ chế, chính sách đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản; cơ chế, chính sách kích cầu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Mạnh dạn đầu tư cho các doanh nghiệp áp dụng các tiên bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Lồng ghép các chương trình trên cùng địa bàn nhằm tăng hiệu quả các dự án đầu tư, tránh trùng lặp, hạn chế lãng phí kinh phí của nhà nước.

- Đối với một số dự án thực hiện có tính thời vụ, cần có sự linh động về thời gian triển

khai thực hiện dự án (nếu thời gian thực hiện dự án theo trình tự phê duyệt thầu, đấu thầu mua sắm vật tư nguyên vật liệu kéo dài sẽ dẫn đến các công đoạn tiếp theo không đáp ứng được tính thời vụ).

3. Nội dung trọng tâm những vấn đề cần giải quyết của các địa phương trong những năm tiếp theo cần có Chương trình NTMN hỗ trợ

- Tiếp tục chuyển giao tiên bộ KH&CN các công nghệ phục vụ trồng trọt, chăn nuôi; các công nghệ phục vụ phát triển sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản; công nghệ phục vụ trồng trọt kết hợp chăn nuôi, thủy sản; công nghệ phục vụ chế biến sau thu hoạch... cho các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số.

- Tăng kinh phí đầu tư của Trung ương đối với các dự án nông thôn miền núi.

- Cần có phương án giải quyết đối với các dự án thực hiện chậm do tiến độ phê duyệt đấu thầu kéo dài dẫn đến không triển khai đúng thời vụ.

Tóm lại, Chương trình NTMN thực sự đã có tác động rất lớn và tích cực đối với tỉnh Quảng Bình, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, góp phần cải thiện đời sống Nhân dân, tạo đà ứng dụng nhanh các tiên bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Để thực hiện Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số” trong thời gian tới, tỉnh Quảng Bình đã có một số đề xuất với Bộ KH&CN tạo điều kiện hơn nữa cho tỉnh được tham gia thực hiện nhiều dự án, tăng cường trong việc phối hợp giữa cơ quan quản lý Trung ương và cơ quan quản lý địa phương, nhất là trong công tác kiểm tra và giám sát quá trình thực hiện dự án. Cần có quy định linh động hơn trong quản lý quá trình thực hiện dự án, đơn giản hóa các thủ tục. Cho phép có sự thay đổi hợp lý về nội dung dự án theo yêu cầu thực tế ở từng giai đoạn thực hiện ■